

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/364120023>

Bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo lái xe ô tô: Vẫn còn bỏ ngỏ [Quality assurance of driving curriculum: Still open]

Article · July 2019

CITATIONS

3

READS

127

1 author:



Nguyễn Xuân Trung

VACC Institute of Education Sciences and Community Service

51 PUBLICATIONS 31 CITATIONS

SEE PROFILE

Bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo lái xe ô tô: Vẫn còn bỏ ngỏ
Quality assurance of driving curriculum: Still open

Nguyễn Xuân Trung

Trường Cao đẳng Giao thông Huế

Tóm tắt

Bài viết này phân tích chương trình đào tạo lái xe ô tô (hạng C) theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thảo luận sự phù hợp của các tiêu chuẩn đó. Tổng số điểm đạt được là 40 và có 3/7 tiêu chí không đạt yêu cầu, trong đó hai tiêu chí “Chương trình và giáo trình”, “Giám sát, đánh giá chất lượng” chỉ đạt 0 điểm. Như vậy, chương trình đào tạo lái xe ô tô không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quy định. Mặt khác, cũng có một vài tiêu chuẩn kiểm định chưa phù hợp với thực tế đào tạo lái xe ô tô như “đào tạo liên thông” hay “trình độ chuyên môn của nhà giáo”. Kết quả này cho thấy thực hiện bảo đảm chất lượng trong đào tạo lái xe ô tô là vấn đề cấp thiết và phải trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Giao thông vận tải và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Từ khóa: Bảo đảm chất lượng, chương trình đào tạo, lái xe ô tô, tiêu chuẩn, kiểm định.

Abstract

This article analyzes the driving curriculum (level C) according to the standards of vocational education quality accreditation and discusses the relevance of those standards. The total score is achieved is 40 and 3/7 standards are unsatisfactory, of which two standards "Curriculum and syllabus" and "Quality monitoring and evaluation" only achieve zero. Thus, the driving curriculum does not meet the Vietnamese quality accreditation standards. On the other hand, there are also a number of accreditation standards that are inconsistent with the reality of driver education such as "inter-intermediate education" or "professional qualifications of instructors". This result shows that the implementation of quality assurance in driver training is an urgent issue and must be based on close coordination between the Ministry of Transport and the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs.

Key words: Quality assurance, curriculum, driving, standards, accreditation.

1. Giới thiệu

Có thể nói rằng chương trình đào tạo là xương sống của quá trình đào tạo và là thành tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo. Hàng năm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quy định, báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước và công bố công khai [3]. Sau một thời gian, chương trình đào tạo phải được một cơ quan bên ngoài kiểm định chất lượng [4]. Các chương trình đạt chuẩn kiểm định sẽ được công bố rộng rãi như là một lời cam kết, một cách khẳng định chất lượng của nhà trường đối với toàn xã hội.

Đào tạo lái xe ô tô (dân sự) là một hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở trình độ sơ cấp [2, 7], bảo đảm chất lượng đào tạo lái xe ô tô không những có ý nghĩa về mặt nghề nghiệp mà còn góp phần đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, một vấn nạn của nước ta hiện nay. Đáng tiếc là dù những khác biệt giữa đào tạo lái xe ô tô và giáo dục nghề nghiệp nói chung đã được đề cập [13], nhưng tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo lái xe ô tô vẫn chưa được thực hiện. “Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý giấy phép lái xe đảm bảo an toàn giao thông”, thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020, cũng không có nội dung này [1].

Để có được cái nhìn đa diện và rộng rãi, bài viết này phân tích, đánh giá chương trình đào tạo lái xe ô tô từ các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, sự phù hợp của các tiêu chuẩn đó với hoạt động đào tạo lái xe ô tô cũng được xem xét, thảo luận.

2. Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở nước ta

Bảo đảm chất lượng là phương thức quản lý chất lượng tiên bộ được nhiều nước trên thế giới sử dụng để quản lý chất lượng giáo dục, từ phạm vi cơ sở giáo dục đến quốc gia, bao gồm bảo đảm chất lượng bên trong và bảo đảm chất lượng bên ngoài. Đảm bảo chất lượng bên trong là các chính sách, quy trình, công cụ nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đảm bảo chất lượng bên ngoài là quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, thường là các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của quốc gia, hoặc quốc tế, theo các tiêu chuẩn để đánh giá và công nhận.

Tại nước ta, từ năm 2017, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp [3] và tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp [4]. Cụ thể là cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tổ chức xây dựng và hoạt động hệ thống đảm bảo chất lượng của mình. Hàng năm, phải tự đánh giá nhà giáo, chất lượng chương trình đào tạo và chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp để báo cáo cơ quan quản lý nhà nước và công bố công khai. Sau một thời gian tự đánh giá phù hợp tiêu chuẩn, tùy theo trình độ đào tạo, thì kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện chưa lâu nên số lượng chương trình đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được kiểm định chất lượng là chưa nhiều.

3. Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo lái xe ô tô

Để thuận tiện, chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng C được chọn làm điển hình đánh giá với giả thiết là các quy định về đào tạo lái xe ô tô hiện hành [2, 12] được cơ sở đào tạo tuân thủ và lưu trữ đầy đủ minh chứng.

Điểm đánh giá chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng C được trình bày ở Bảng 1. Để đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng thì tổng số điểm phải từ 80 trở lên, các tiêu chí 3, 4, 5, 7 đạt ít nhất 75 % và 1, 2, 6 đạt ít nhất 50 % số điểm [4].

Bảng 1. Điểm đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn chương trình đào tạo lái xe hạng C

Tiêu chí, tiêu chuẩn		Điểm
1	Mục tiêu và tài chính	4
1.1	Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và ...	0
1.2	Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu ...	4
2	Hoạt động đào tạo	8
2.1	Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định.	4
2.2	Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định; ...	4
2.3	Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	-
3	Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	8
3.1	100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ...	0
3.2	Đảm bảo tất cả các mô-đun thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp;...	4
3.3	Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập ...	0
3.4	100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ...	4
4	Chương trình, giáo trình	0
4.1	Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, ...	0

4.2	Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề, ...	0
4.3	Chương trình đào tạo đảm bảo tính khoa học, chính xác, tính hệ thống, thực tiễn ...	0
4.4	Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, ...	0
4.5	100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá ...	0
4.6	Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun ...	0
5	<i>Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo</i>	16
5.1	Phòng học, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	4
5.2	Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	4
5.3	Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	4
5.4	Nguyên, nhiên, vật liệu thực hành được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp ...	4
6	<i>Dịch vụ cho người học</i>	4
6.1	Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế ...	4
6.2	Thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường ...	0
7	<i>Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	0
7.1	Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ ...	0
7.2	Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin ...	0
7.3	Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm ...	0
7.4	Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, ...	0
<i>Tổng số điểm</i>		40

3.1. Mục tiêu và tài chính

Dù đã được quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp [10] và các văn bản dưới luật [4, 6], nhưng đáng tiếc là các chương trình đào tạo lái xe ô tô hiện hành và cả những văn bản hướng dẫn thực hiện đều không có mục tiêu [2, 12]. Do vậy, điểm của tiêu chuẩn này là 0. Trong khi đó, ma trận mục tiêu đào tạo lái xe (GDE) đã được thừa nhận rộng rãi trong nghiên cứu và đào tạo tại châu Âu từ năm 2002 [9].

Về tài chính, trung tâm đào tạo lái xe tự xây dựng và quyết định mức thu học phí [8] nên hoàn toàn đảm bảo tiêu chuẩn 1.2.

3.2. Hoạt động đào tạo

Việc khai giảng một khóa học lái xe ô tô phải được Sở giao thông vận tải (tại địa phương) hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận (tại trung ương) sau khi đã nhận được toàn bộ hồ sơ khóa học hợp lệ, bao gồm danh sách học viên, kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo [2]. Để thực hiện đào tạo, cơ sở đào tạo sẽ phải lập và lưu trữ đầy đủ các loại sổ sách liên quan như giáo án, sổ theo dõi thực hành lái xe, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, các văn bản tổ chức thi, kiểm tra,... [2]. Cuối cùng là nộp báo cáo đăng ký sát hạch lái xe và việc sát hạch cũng do các cơ quan này chủ trì. Trong quá trình đào tạo, sát hạch, Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở giao thông vận tải sẽ thực hiện việc kiểm tra, thanh tra đột xuất và định kỳ. Như vậy, có thể thấy hoạt động đào tạo lái xe ô tô được kiểm soát khá chặt chẽ từ các cơ quan quản lý nhà nước, ít nhất là về mặt hồ sơ và có đầy đủ minh chứng để đạt tiêu chí này, trừ đào tạo liên thông.

Nghề lái xe ô tô chỉ có đào tạo nâng hạng chứ không có đào tạo liên thông, nên tiêu chuẩn 2.3 là không phù hợp. Có thể dùng nâng hạng thay cho liên thông hoặc loại bỏ tiêu chuẩn này.

3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Trong giáo dục nghề nghiệp, để dạy trình độ sơ cấp thì giáo viên phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6 với chuyên ngành phù hợp [5]. Chuyên ngành phù hợp để dạy lái xe ô tô đương nhiên chính là lái xe ô tô. Nhưng hiện nay nghề lái xe ô tô chỉ có 4 bậc thợ, không có trình độ trung cấp và cũng chưa có khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia [13] nên chưa phù hợp với tiêu chuẩn.

Ngoài việc đáp ứng tiêu chuẩn chung của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, giáo viên dạy lý thuyết lái xe ô tô còn phải có tốt nghiệp “một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30%, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên” và giáo viên thực hành phải “có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2” [7]. Quy định này tương tự trên và có khác là ghi rõ chuyên ngành, nhưng rõ ràng luật hay công nghệ ô tô chỉ có thể phù hợp với một trong năm môn lý thuyết lái xe ô tô mà thôi (Bảng 2). Riêng môn Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông thì rất khó xác định, chuyên ngành phù hợp có thể là Giáo dục công dân?

Bảng 2. Các môn học lái xe ô tô hạng C và chuyên ngành phù hợp

STT	Tên môn học	Số giờ	Chuyên ngành phù hợp
1	Pháp luật giao thông đường bộ	90	Luật
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	18	Công nghệ kỹ thuật ô tô
3	Nghiep vụ vận tải	16	Kinh doanh vận tải đường bộ; Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ
4	Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông	20	-
5	Kỹ thuật lái xe	24	Lái xe ô tô
6	Thực hành lái xe	752	Lái xe ô tô

Như vậy tiêu chuẩn 3.1 không đạt và cả tiêu chuẩn 3.3 cũng vậy, bởi hàng năm “tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng” đối với giáo viên dạy lái xe ô tô là rất hiếm hoi. Còn “đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động” thì hoàn toàn chưa có. Tuy nhiên, cũng cần phải đặt câu hỏi là giáo viên dạy lái xe ô tô có cần đi thực tập nghề nghiệp hàng năm hay không? Trong những năm qua, nghề lái xe ô tô đã có những thay đổi nào để giáo viên cần phải cập nhật từ môi trường nghề nghiệp? Còn những giáo viên chỉ dạy hạng B1 thì sao, khi “đơn vị sử dụng lao động” của họ chỉ là gia đình? Chưa trả lời được các câu hỏi này thì chưa thể làm rõ được sự hợp lý của quy định.

Hai tiêu chuẩn 3.2 và 3.4 đạt yêu cầu do số lượng nhà giáo từng khóa luôn được cơ quan quản lý kiểm soát chặt chẽ và yêu cầu trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý chỉ từ cao đẳng trở lên [10].

3.4. Chương trình, giáo trình

Với việc không có mục tiêu như đã trình bày, bao gồm cả mục tiêu của chương trình, môn học và bài học, thì chương trình đào tạo lái xe ô tô đã không đạt yêu cầu quy định cho trình độ sơ cấp [6, 10]. Ngoài ra, chương trình cũng chưa có “yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp” và chưa “đưa ra được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra” [6]. Tương tự, giáo trình, như của môn Pháp luật giao thông đường bộ [11] cũng không có mục tiêu, bài tập (câu hỏi) và yêu cầu đánh giá kết quả học tập của chương, bài [6]. Do vậy, tiêu chí này chưa đạt chuẩn.

3.5. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Có thể nói cơ sở vật chất là điểm mạnh của đào tạo lái xe, nhất là xe ô tô thường được chú trọng đầu tư để hấp dẫn người học và tăng sức cạnh tranh. Các trang thiết bị dạy học khác cũng được trang bị đầy đủ do là yêu cầu bắt buộc để được cấp phép đào tạo [7] và luôn được cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra định kỳ. Ngoài ra, toàn bộ hoạt động sát hạch hiện nay đã được tự động hóa, cả lý thuyết lẫn thực hành. Tiêu chí này đạt điểm tối đa ở cả bốn tiêu chuẩn.

3.6. Dịch vụ cho người học và giám sát, đánh giá chất lượng

Những thông tin về chương trình đào tạo, thời gian khóa học, kiểm tra, sát hạch,... thường được cung cấp đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và khi người học đến đăng ký. Ngoài ra, theo quy định, cơ sở đào tạo còn bắt buộc phải ký hợp đồng đào tạo với người học [2]. Nhưng cung cấp thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học lái xe sau khi tốt nghiệp thì chưa có. Dù vậy, tiêu chuẩn này vẫn đủ 50 % số điểm và đạt yêu cầu.

Trong những năm gần đây, nhu cầu học lái xe ô tô luôn tăng, ở một số địa phương, người học phải chờ đợi một thời gian mới đi học. Việc giới thiệu việc làm cho người học lái xe ô tô chưa từng là một yêu cầu bức thiết với cơ sở đào tạo, chưa từng được quy định phải thực hiện nên chưa có là điều dễ hiểu.

Tương tự, các hoạt động giám sát, đánh giá chất lượng cũng chưa từng được thực hiện. Người học sau khi tốt nghiệp còn phải đạt sát hạch thì mới hành nghề được, có giấy phép lái có thể hiểu là đã đạt tiêu chuẩn nghề. Nên tỷ lệ có việc làm hay sự hài lòng của đơn vị sử dụng lao động cũng chưa là trách nhiệm hay mong muốn của cơ sở đào tạo. Mặt khác, lái xe ô tô còn là một nghề “tự phát triển”, nghĩa là càng làm nghề lâu thì càng giỏi, không thể đạt được năng lực cấp độ cao ngay sau khi học xong [9]. Từ đó, cần xem sát hạch cũng là một phần của đào tạo lái xe ô tô để đưa vào tiêu chí giám sát và đánh giá chất lượng.

4. Kết luận

Từ kết quả phân tích, đánh giá nêu trên, có thể nhận định rằng chương trình đào tạo lái xe ô tô đang có những “lệch pha” nhất định với giáo dục nghề nghiệp nói chung. Trong đó, mục tiêu đào tạo, chương trình, giáo trình và trình độ chuyên môn của giáo viên và giám sát, đánh giá chất lượng đều là những vấn đề cốt lõi của bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Do vậy, cần cấp thiết quy định bắt buộc thực hiện bảo đảm chất lượng trong đào tạo lái xe. Đặc biệt, hoạt động giám sát, đánh giá chất lượng nếu được thực hiện tốt sẽ là cơ sở thực tế quan trọng để hoàn thiện chương trình đào tạo và nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Mặt khác, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cũng có một số điểm chưa phù hợp với hoạt động đào tạo lái xe. Nên rất cần có sự phối hợp xem xét, điều chỉnh từ cả hai cơ quan quản lý nhà nước để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo lái xe ô tô với vị trí là một nghề trình độ sơ cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giao thông vận tải (2018), *Quyết định phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý giấy phép lái xe đảm bảo an toàn giao thông*, Số 2782/QĐ-BGTVT, ngày 24/12/2018.

[2] Bộ Giao thông vận tải (2017), *Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ*, Số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15/4/2017.

[3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Thông tư quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp*, Số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017.

- [4] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Thông tư quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, Số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/6/2017.
- [5] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*, Số 08/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 10/3/2017.
- [6] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015), *Thông tư quy định về đào tạo trình độ sơ cấp*, Số 42/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20/10/2015.
- [7] Chính phủ (2018), *Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe*, Số 138/2018/NĐ-CP, ngày 08/10/2018.
- [8] Liên bộ Tài chính - Giao thông vận tải (2011), *Thông tư liên tịch hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ*, Số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT, ngày 27/5/2011.
- [9] Peräaho M., Keskinen E. and Hatakka M. (2003), *Driver competence in a hierarchical perspective: implications for driver education*, University of Turku, Traffic Research.
- [10] Quốc hội (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, Số 74/2014/QH13, ngày 27/11/2014.
- [11] Tổng cục Đường bộ Việt Nam (2018), *Giáo trình Pháp luật giao thông đường bộ*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
- [12] Tổng cục Đường bộ Việt Nam (2015), *Văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thực hiện về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Xuân Trung (2018), “Đào tạo lái xe ô tô từ góc nhìn giáo dục nghề nghiệp”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 2 (123), tr. 10-13.